

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày 12/01/2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Quyết Thắng và ông Lý A Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2022/TLST-HN&GD ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc Ly hôn; tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cà Thị N, năm sinh 1987; nơi ĐKHKTT: Bản X, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; chỗ ở hiện nay: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lương Văn T; sinh năm 1989; địa chỉ: Bản X, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 11 năm 2022, Bản tự khai và đơn xin vắng mặt của nguyên đơn chị Cà Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Cà Thị N và anh Lương Văn T tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn với nhau ngày 22/9/2008 tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Từ khi kết hôn chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đi làm xa thì thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Đến cuối năm 2012 chị N và anh T đã không còn sống chung, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Trong thời gian không chung sống với anh T, giữa chị N và anh T không còn quan tâm, chia sẻ, liên lạc. Thời gian không còn sống chung đã lâu, nên tình cảm yêu thương vợ chồng của chị N với anh T không còn. Đến nay chị N không thể tiếp

tục kéo dài cuộc sống vợ chồng với anh T, nên chị Nhung đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn với anh Lương Văn T.

Về con chung: Chị Cà Thị N và anh Lương Văn T có 01 người con chung là cháu Lương Thị Mai H; sinh ngày 02/4/2009. Sau khi ly hôn chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Cà Thị N là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lương Văn T. Quá trình tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải chị N có mặt, anh T vắng mặt, nên Tòa án đã thông báo kết quả việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ cho anh Lương Văn T theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con: Qua xác minh trường bản cung cấp thông tin về hôn nhân giữa chị N và anh T đã không còn chung sống với nhau mấy năm nay, vợ chồng đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau. Đối với con chung là cháu Lương Thị Mai H từ khi chị N không còn chung sống với anh T thì cháu H do chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Vì vậy có ý kiến giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu H để cháu H có cuộc sống ổn định và được đi học như bao đứa trẻ khác.

Tại đơn nguyện vọng ngày 10/9/2022 của cháu Lương Thị Mai H trình bày: Cháu Lương Thị Mai H có nguyện vọng được ở cùng chị Cà Thị N.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cà Thị N, cho chị Cà Thị N ly hôn với anh Lương Văn T; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Lương Thị Mai H; sinh ngày 02/4/2009 cho chị Cà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị N không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên không đề nghị xem xét về phần cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm của chị N đề nghị Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị N, do chị N là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của chị Cà Thị N với anh Lương Văn T thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị N nộp đơn khởi kiện, anh T có nơi ĐKKHKT tại bản X, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Cà Thị N và anh Lương Văn T đúng theo quy định Điều 174; Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 26/12/2022, anh T vắng mặt, chị N có đơn xin vắng mặt. Việc đưa ra xét xử vắng mặt của anh T, chị N vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị N với anh Lương Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 22/9/2008. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc, thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn, nên có thể xác định hôn nhân của chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình.

Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo để thực hiện việc hòa giải cho các đương sự quay về đoàn tụ, nhưng HĐXX thấy rằng anh T mặc dù đã được thông báo nhưng không đến để tiến hành hòa giải cũng không có ý kiến, do đó thấy rằng anh T không có thiện chí hòa giải để quay về đoàn tụ. Để đảm bảo khách quan về giải quyết hôn nhân của chị N và anh T, Tòa án đã tiến hành xác minh và cho kết quả như sau: Cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh T đã có rạn nứt, chị N và anh T đã không chung sống với nhau nhiều năm nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Từ cuộc sống nêu trên của chị N và anh T thấy rằng, vợ chồng đã không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, nên cần căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cà Thị N, cho chị Cà Thị N ly hôn với anh Lương Văn T.

[3] Về con chung: Chị Cà Thị N với anh Lương Văn T có 01 người con là cháu Lương Thị Mai H; sinh ngày 02/4/2009. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng hiện tại cháu H đang được chị N trực tiếp nuôi dưỡng, quá trình nuôi dưỡng con chị N vẫn đảm bảo về mọi mặt cho con chung. Do đó để cháu H có cuộc sống ổn định, có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần; thì HĐXX thấy cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao cho chị Cà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng

nuôi con, ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân cấp dưỡng; HĐXX thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các con chung, nên HĐXX không giải quyết về phân cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí; Hội đồng xét xử thấy chị Cà Thị N là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và chị N có đơn đề nghị miễn án phí vì vậy chị N đủ điều kiện được xét miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị N được ly hôn với anh Lương Văn T.
2. Về con chung: Giao cho chị Cà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lương Thị Mai H; sinh ngày 02/4/2009 cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Cà Thị N có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Lương Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Chị Cà Thị N với anh Lương Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.
4. Về án phí: Chị Cà Thị N được miễn án phí ly hôn.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Cà Thị N và anh Lương Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- UBND xã Mừng Mùn;
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN CỦA HĐXX THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA